

Số: 459/BC-SNNPTNT

Kiên Giang, ngày 01 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện vốn đầu tư công đến 30/9/2021 do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý

Vốn đầu tư công được giao đến thời điểm báo cáo là 679.730 triệu đồng (**Tăng 130.000 triệu đồng, QĐ bổ sung kế hoạch vốn cuối tháng 9/2021**). Khối lượng thực hiện lũy kế từ đầu năm đến 30/9/2021 được 358.940 triệu đồng đạt 52,8% kế hoạch năm và giá trị giải ngân lũy kế được 286.548 triệu đồng đạt 42,2% kế hoạch.

Trong đó:

+ Vốn ngân sách trung ương: Giá trị khối lượng thực hiện được 224.200/513.000 triệu đồng, đạt 43,7% kế hoạch; Giá trị giải ngân được 195.511/513.000 triệu đồng, đạt 38,1% kế hoạch

+ Vốn cân đối ngân sách địa phương: Giá trị khối lượng thực hiện được 134.740/166.730 triệu đồng, đạt 80,8% kế hoạch; Giá trị giải ngân được 91.037/166.730 triệu đồng, đạt 54,6% kế hoạch.

- Ước khối lượng thực hiện đến 30/10/2021 là 446.580 triệu đồng đạt 65,7% kế hoạch năm và giá trị giải ngân được 388.070 triệu đồng đạt 57,1% kế hoạch.

- Ước khối lượng thực hiện đến 31/12/2021 là 679.730/679.730 triệu đồng đạt 100% kế hoạch năm và giá trị giải ngân được 679.730/679.730 triệu đồng đạt 100% kế hoạch.

(Kèm theo phụ biểu báo cáo chi tiết tiến độ từng dự án)

- Về các nguồn vốn chuyển nguồn từ năm 2020 sang năm 2021 tiếp tục thực hiện (tháng 4/2021 có QĐ): Tổng vốn chuyển nguồn 53.706 triệu đồng, giải ngân 10.837 triệu đồng, đạt 20,2% kế hoạch. Ước giải ngân đến 30/9 được 37.559 triệu đồng, đạt 69,9% kế hoạch. Ước giải ngân đến 30/12/2021 được 38.559/53.706 triệu đồng, đạt 71,8% kế hoạch.

(Kèm theo phụ biểu báo cáo chi tiết tiến độ từng dự án)

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công đến 30/9/2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. *naeh*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lưu: VT, ntvn.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Hữu Toàn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 459/BC-SNNPTNT ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Sở Nông nghiệp & PTNT Kiên Giang

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT		KẾ HOẠCH 2021	ƯỚC KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN ĐẾN 30/9/2021				ƯỚC TH VÀ GIẢI NGÂN ĐẾN 30/10/2021				ƯỚC TH VÀ GIẢI NGÂN ĐẾN 31/12/2021				Ghi chú
			GIÁ TRỊ KLTH NGHIỆM THU	TỶ LỆ % KLTH SO VỚI KH	CÁP PHÁT	TỶ LỆ % KLTH SO VỚI CP	GIÁ TRỊ KLTH NGHIỆM THU	TỶ LỆ % KL THỰC HIỆN	CÁP PHÁT	TỶ LỆ % CÁP PHÁT	GIÁ TRỊ KLTH NGHIỆM THU	TỶ LỆ % KL THỰC HIỆN	CÁP PHÁT	TỶ LỆ % CÁP PHÁT	
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	NGUỒN VỐN ĐTC ĐƯỢC GIAO	679.730	358.940	52,8	286.548	42,2	446.580	65,7	388.070	57,1	679.730	100,0	679.730	100,0	
1	Nguồn vốn ngân sách Trung ương	513.000	224.200	43,7	195.511	38,1	307.000	59,8	269.894	52,6	513.000	100,0	513.000	100,0	
2	Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương	166.730	134.740	80,8	91.037	54,6	139.580	83,7	118.176	70,9	166.730	100,0	166.730	100,0	

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 459/BC-SNNPTNT ngày: 01 tháng 10 năm 2021 của Sở Nông nghiệp & PTNT Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lấy kế từ khởi công đến 31/12/2020		Kế hoạch năm 2021	THTH từ đầu năm đến 30/9/2021		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2021		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/10/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 30/10/2021		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/12/2021		TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW - ĐP																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỔNG SỐ								679.730	358.940	286.548	52,8	42,2	446.580	388.070	65,7	57,1	679.730	679.730	100,0	100,0	
	VỐN TRUNG ƯƠNG								513.000	224.200	195.511	43,7	38,1	307.000	269.894	59,8	52,6	513.000	513.000	100,0	100,0	
AA	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC)								303.000	114.200	87.978	37,7	29,6	172.000	145.131	56,8	47,9	303.000	303.000	100,0	100,0	
A	DANH MỤC KẾ HOẠCH 2016-2020 CHUYỂN TIẾP THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2021-2025								303.000	114.200	87.978	37,7	29,6	172.000	145.131	56,8	47,9	303.000	303.000	100,0	100,0	
I	NGÀNH/LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ								303.000	114.200	87.978	37,7	29,6	172.000	145.131	56,8	47,9	303.000	303.000	100,0	100,0	
	Thực hiện dự án								303.000	114.200	87.978	37,7	29,6	172.000	145.131	56,8	47,9	303.000	303.000	100,0	100,0	
-1	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021								130.000	37.000	22.350	28,5	17,2	62.000	50.880	47,7	39,1	130.000	130.000	100,0	100,0	
1	Hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải	KH	2017-2022	2281; 30/10/2017; 213; 29/01/2021	120.000	108.000	58.000	58.000	50.000	12.000		24,0	0,0	15.000	10.000	30,0	20,0	50.000	50.000	100,0	100,0	Đang triển khai thi công phần thân đập bê tông (đã có khối lượng nhưng chưa giá; ngân được vì để thu hồi tạm ứng và sử lý hợp đồng). Mới có QĐ bổ sung vốn ngày 15/9/2021: 30.000 triệu đồng
2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp cảng cá mũi Gành Dầu	KH	2016-2021	3164; 29/12/2020;	120.000	108.000	83.000	83.000	25.000			0,0	0,0	5.000	4.000	20,0	16,0	25.000	25.000	100,0	100,0	Mới có QĐ bổ sung vốn ngày 15/9/2021
3	Kè chống sạt lở khu vực Mũi Rãnh huyện An Biên	AB	2018-2021	2430; 31/10/2018;	75.000		62.500	62.500	12.500			0,0	0,0	10.000	7.300	80,0	58,4	12.500	12.500	100,0	100,0	Đang triển khai thi công và đang trình điều chỉnh dự án cho UBND tỉnh. Dự kiến trong quý IV sẽ hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng
4	Kè chống sạt lở khu vực Hòn Quáo huyện Hòn Đất	HD	2019-2021	759; 26/3/2020	100.000		80.000	80.000	20.000	10.000	8.000	50,0	40,0	15.000	13.600	75,0	68,0	20.000	20.000	100,0	100,0	Đang triển khai thi công. Dự kiến trong quý IV sẽ hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng
5	Kè chống sạt lở khu vực Xẻo Nhau huyện An Minh	AM	2020-2024	1372; 15/6/2020	85.000		62.500	62.500	22.500	15.000	14.350	66,7	63,8	17.000	15.980	75,6	71,0	22.500	22.500	100,0	100,0	Đang triển khai thi công. Dự kiến trong quý IV sẽ hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng
-2	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021								173.000	77.200	65.628	44,6	37,9	110.000	94.251	63,6	54,5	173.000	173.000	100,0	100,0	
1	Dự án đầu tư xây dựng 18 công trình tuyến đê biển, ven biển tỉnh Kiên Giang (hạng mục: công T3-Hòa Diên)	KG	2019-2023	2516 UBND; 31/10/2019	1.484.000	1.484.000	74.400	74.400	150.000	70.000	61.504	46,7	41,0	100.000	85.000	66,7	56,7	150.000	150.000	100,0	100,0	Đã bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công trong tháng 3/2021. Đã triển khai đóng cọc thử bản đáy công, cầu giao thông, đang gia công chế tạo cửa van (công ầu thuyền T3 Hòa Diên vương giá trị mặt bằng và công ầu thuyền Vàm Bà Lịch thống kê trong QĐ giao vốn). Mới có QĐ bổ sung vốn ngày 15/9/2021 70.000 triệu đồng cho công T3-Hòa Diên

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm		Lấy kế từ khởi công đến 31/12/2020		Kế hoạch năm 2021	THTH từ đầu năm đến 30/9/2021		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2021		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/10/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 30/10/2021		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/12/2021		TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Khối lượng thực hiện		Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện		Giá trị cấp phát
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW - ĐP																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
2	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá kết hợp nâng cấp, mở rộng cảng cá đảo Thổ Chu	PQ	2016-2020	2590; 30/10/2015.	154.189	154.189	27.434	27.434	23.000	7.200	4.124	31,3	17,9	10.000	9.251	43,5	40,2	23.000	23.000	100,0	100,0	Đang triển khai thi công các hạng mục trên bờ như: nhà quản lý, đường, hàng rào... đã xử lý hợp đồng vì vi phạm tiến độ. Đang trình UBND điều chỉnh dự án
BB	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI)								210.000	110.000	107.533	52,4	51,2	135.000	124.763	64,3	59,4	210.000	210.000	100,0	100,0	
B	NGÀNH/LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG MÔI TRƯỜNG								210.000	110.000	107.533	52,4	51,2	135.000	124.763	64,3	59,4	210.000	210.000	100,0	100,0	
-1	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021								210.000	110.000	107.533	52,4	51,2	135.000	124.763	64,3	59,4	210.000	210.000	100,0	100,0	
1	Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	432.960	158.958	158.958	140.000	110.000	107.533	78,6	76,8	120.000	111.263	85,7	79,5	140.000	140.000	100,0	100,0	Đang triển khai thi công 09 công, cơ bản đã hoàn thành, dự kiến trong quý IV/2021 sẽ tổng kiểm tra. Đã bàn giao mặt bằng 10km cho đơn vị trúng thầu để triển khai thi công, dự kiến trong tháng 10 sẽ thi công xong và đang triển khai các gói thầu sinh kế.
2	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT)	TT	2018-2022	2731; 10/11/2015; 1100; 15/5/2019	313.499	111.220	47.193	47.193	70.000			0,0	0,0	15.000	13.500	21,4	19,3	70.000	70.000	100,0	100,0	Ban quản lý dự án VnSAT Trung ương và WB đã góp ý cho danh mục đầu tư 11/11 tiểu dự án đầu tư công. UBND tỉnh phê duyệt danh mục đầu tư công cho 11/11 tiểu dự án. Hồ sơ đã được Sở Nông nghiệp lâm tra, thẩm định và Sở KHĐT đã phê duyệt báo cáo TKKT và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, đang triển khai lựa chọn nhà thầu. Dự kiến tháng 10/2021 sẽ triển khai thi công
	NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG								166.730	134.740	91.037	80,8	54,6	139.580	118.176	83,7	70,9	166.730	166.730	100,0	100,0	
A	VỐN BỐ TRÍ ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM								166.730	134.740	91.037	80,8	54,6	139.580	118.176	83,7	70,9	166.730	166.730	100,0	100,0	
I	Ngành, lĩnh vực Nông nghiệp								127.400	95.410	51.707	74,9	40,6	100.250	78.846	78,7	61,9	127.400	127.400	100,0	100,0	
-1	Các dự án dự chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025								122.400	92.910	51.707	75,9	42,2	97.500	78.846	79,7	64,4	122.400	122.400	100,0	100,0	
1	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016-2020	TT	2018-2023	2409; 30/10/2018	96.346	96.346	60.881	60.881	15.000	15.000	5.437	100,0	36,2	15.000	15.000	100,0	100,0	15.000	15.000	100,0	100,0	Công trình đã nghiệm thu đưa vào sử dụng, đang quyết toán hoàn thành.
2	Dự án nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước xã Nam Thái và mở rộng tuyến ống HTCN liên xã huyện An Biên	AB	2019-2020	2526; 31/10/2019	59.984	59.984	25.000	25.000	30.900	24.410	12.110	79,0	39,2	25.000	18.540	80,9	60,0	30.900	30.900	100,0	100,0	Đường ống cấp nước thi công được 65km/81km; Nhà trạm đã cơ bản hoàn thành, móng nhà trạm bơm cấp 2 đạt 75%; đóng cọc bể chứa 60%, đóng cọc cum xử lý 50%... Hiện tiến độ thi công của dự án chậm do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh
3	Trạm cấp nước U Minh Thương, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang	UMT	2019-2021	2527; 31/10/2019	30.000	30.000	8.500	8.500	20.000	18.000	10.288	90,0	51,4	19.000	13.000	95,0	65,0	20.000	20.000	100,0	100,0	Đã hoàn thiện bể chứa, Trạm bơm, Nhà quản lý cơ bản xong, vật tư ống đã tập kết 24/28km. Chậm do tuyến ống CN đi trên QL phải xin phép SGT từng km, không xin phép cho toàn tuyến. Tiến độ thi công của dự án chậm do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm			Lấy kế từ khởi công đến 31/12/2020		Kế hoạch năm 2021	THTH từ đầu năm đến 30/9/2021		Tỷ lệ (%) thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2021		Ước thực hiện từ đầu năm đến 30/10/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 30/10/2021		Ước thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2021		Ước tỷ lệ (%) thực hiện so với kế hoạch 31/12/2021		TIẾN ĐỘ CHI TIẾT DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMDT		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát		Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	Khối lượng thực hiện	Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW - ĐP																
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
4	Trạm cấp nước liên xã Vĩnh Phong-Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận	VT	2019-2021	2525; 31/10/2019	37.000	37.000	8.500	8.500	25.000	21.000	11.245	84,0	45,0	22.000	16.500	88,0	66,0	25.000	25.000	100,0	100,0	Thi công bể chứa đạt 95%; cụm xử lý đạt 93%; nhà trạm bơm cấp 2 đạt 83%; vật tư ống đã tập kết 31/37km... Chậm do tuyến ống CN đi trên QL phải xin phép SGT từng km, không xin phép cho toàn tuyến. Tiến độ chậm do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19
	Hệ thống đường ống nước xã Tân Khánh Hòa	GT	2019-2021	732; 01/14/2019	18.000	18.000	16.000	16.000	1.500	1.500	1.500	100,0	100,0	1.500	1.500	100,0	100,0	1.500	1.500	100,0	100,0	Đã quyết toán hoàn thành công trình
5	Trụ sở làm việc Trung tâm nước sạch VSMT nông thôn Kiên Giang	RG	2019-2021	376; 30/10/2019 SKH	14.998	14.998	8.511	8.511	5.000	5.000	4.371	100,0	87,4	5.000	5.000	100,0	100,0	5.000	5.000	100,0	100,0	Đã bàn giao đưa vào sử dụng, đã trình quyết toán hoàn thành công trình
6	Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	109.373			25.000	8.000	6.756	32,0	27,0	10.000	9.306	40,0	37,2	25.000	25.000	100,0	100,0	Đang triển khai thi công 09 công, cơ bản đã hoàn thành, dự kiến trong quý IV/2021 sẽ tổng kiểm tra. Đã bàn giao mặt bằng 10km cho đơn vị trúng thầu để triển khai thi công, dự kiến trong tháng 10 sẽ thi công xong và đang triển khai các gói thầu sinh kế.
-2	Các dự án khởi công mới								5.000	2.500	-	50,0	0,0	2.750	-	55,0	-	5.000	5.000	100,0	100,0	
	Dự án chương trình nước sạch nông thôn và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025 (chuẩn bị đầu tư)	TT		24/QĐ-TTN 02/3/2021	5.772	5.772			5.000	2.500		50,0	0,0	2.750		55,0	-	5.000	5.000	100,0	100,0	Đang trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi
II	Chi đầu tư từ nguồn vay lại, trả nợ gốc								39.330	39.330	39.330	100,0	100,0	39.330	39.330	100,0	100,0	39.330	39.330	100,0	100,0	
-1	Các dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2021								39.330	39.330	39.330	100,0	100,0	39.330	39.330	100,0	100,0	39.330	39.330	100,0	100,0	
1	Vốn Chính phủ vay của nước ngoài về cho địa phương vay lại. Trong đó: - Tiểu dự án số 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên, tỉnh Kiên Giang thuộc dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 công	AB-AM	2017-2022	1044/QĐ-UBND 06/5/16	736.800	109.373			39.330	39.330	39.330	100,0	100,0	39.330	39.330	100,0	100,0	39.330	39.330	100,0	100,0	Đang triển khai thi công 09 công, cơ bản đã hoàn thành, dự kiến trong quý IV/2021 sẽ tổng kiểm tra. Đã bàn giao mặt bằng 10km cho đơn vị trúng thầu để triển khai thi công, dự kiến trong tháng 10 sẽ thi công xong và đang triển khai các gói thầu sinh kế.



VỐN CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM 2020 SANG NĂM 2021 TIẾP TỤC THỰC HIỆN
(Kèm theo Báo cáo số 459/BC-SNNPTNT ngày 01 tháng 10 năm 2021 của Sở Nông nghiệp & PTNT Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang năm 2021	Thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2021		Thực hiện từ đầu năm đến 30/10/2021		Thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2021		Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ĐP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ						53.706	14.059	10.837	38.559	37.559	39.259	38.559	QĐ chuyển nguồn số 911/QĐ-UBND ngày 07/4/2021
I	Nguồn vốn ngân sách địa phương				779.560		10.588	7.059	5.713	7.059	7.059	7.059	7.059	
1	Hồ chứa nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực huyện An Minh	AM	2017-2020	1135; 22/5/2017	123.000		447	447	121	447	447	447	447	Chuẩn bị nghiệm thu đưa vào sử dụng
2	Hạt Kiểm Lâm Hà Tiên	HT	2020-2021	385 SKH; 30/10/2019	1.500		89	89	89	89	89	89	89	Đang quyết toán
3	Hợp phần cung cấp nước và VSNT thuộc DA Quản lý thủy lợi phục PTNT vùng ĐBSCL (WB6)	AB, AM	2015-2017	671; 29/6/2015	11.954		477	477		477	477	477	477	Đang quyết toán
4	Trạm cấp nước U Minh Thượng, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang	UMT	2019-2021	2527/QĐ-UBND; 31/10/2019	30.000		466	466	466	466	466	466	466	Đang triển khai thi công
5	Trạm cấp nước liên xã Vĩnh Phong-Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận	VT	2019-2021	2525/QĐ-UBND; 31/10/2019	37.000		181	181	181	181	181	181	181	Đang triển khai thi công
6	Mở rộng tuyến ống cấp nước Hồ Bãi Nhà	KH	2019-2020	375 SKH; 30/10/2019	14.775		570	570	55	570	570	570	570	Đang quyết toán
7	Dự án nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước xã Nam Thái và mở rộng tuyến ống HTCN liên xã huyện An Biên	AB	2019-2020	2526/QĐ-UBND; 31/10/2019	59.984		73	73	73	73	73	73	73	Đang triển khai thi công
8	Dự án: Khôi phục và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2015-2020	TT	2018-2020	2358; 24/10/2018	187.848		3.556	28		28	28	28	28	Đang triển khai thi công

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	QĐ đầu tư được cấp có thẩm quyền giao KH các năm				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang năm 2021	Thực hiện từ đầu năm đến 30/9/2021		Thực hiện từ đầu năm đến 30/10/2021		Thực hiện từ đầu năm đến 31/12/2021		Ghi chú
			Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm	TMĐT			Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	Giá trị khối lượng hoàn thành	Giá trị cấp phát	
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ĐP								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
9	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT)	TT	2018-2020	2731; 10/11/2015; 1100; 15/5/2019	313.499		4.728	4.728	4.728	4.728	4.728	4.728	4.728	Đang triển khai thi công
II	Ngân sách TW (vốn ODA)				501.347		43.119	7.000	5.124	31.500	30.500	32.200	31.500	
1	Dự án: Khôi phục và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2015-2020	TT	2018-2020	2358; 24/10/2018	187.848		18.619	7.000	5.124	7.000	6.000	7.700	7.000	Đang triển khai thi công
2	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT)	TT	2018-2020	2731; 10/11/2015; 1100; 15/5/2019	313.499		24.500			24.500	24.500	24.500	24.500	Đang triển khai thi công